

Số: /QĐ-UBND

Bình Định, ngày tháng năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường Dự án Đầu tư xây dựng và Kinh doanh hạ tầng kỹ thuật Cụm Công nghiệp Bùi Thị Xuân (phần mở rộng), thành phố Quy Nhơn của Công ty TNHH Thiên Hưng Mỹ Thọ

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật bảo vệ môi trường;

Xét Văn bản số 205/STNMT-CCBVM ngày 17/01/2025 của Sở Tài nguyên và Môi trường về việc thông báo kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường (ĐTM) dự án Đầu tư xây dựng và Kinh doanh hạ tầng kỹ thuật Cụm công nghiệp Bùi Thị Xuân (phần mở rộng), thành phố Quy Nhơn của Công ty TNHH Thiên Hưng Mỹ Thọ;

Xét nội dung Báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án Đầu tư xây dựng và Kinh doanh hạ tầng kỹ thuật Cụm Công nghiệp Bùi Thị Xuân (phần mở rộng), thành phố Quy Nhơn đã được chỉnh sửa, bổ sung gửi kèm văn bản số 1801/2025/THMT ngày 18/1/2025 của Công ty TNHH Thiên Hưng Mỹ Thọ;

Theo đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 100/TTr-STNMT ngày 23/01/2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án Đầu tư xây dựng và Kinh doanh hạ tầng kỹ thuật Cụm Công nghiệp Bùi Thị Xuân (phần mở rộng), thành phố Quy Nhơn (sau đây gọi là Dự án) của Công ty TNHH Thiên Hưng Mỹ Thọ (sau đây gọi là Chủ dự án) thực hiện tại

phường Bùi Thị Xuân, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định với các nội dung, yêu cầu về bảo vệ môi trường ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Chủ đầu tư có trách nhiệm thực hiện theo các quy định của Luật Địa chất và Khoáng sản đối với hoạt động khai thác, tận dụng khoáng sản từ quá trình san gạt, hạ cao độ mặt bằng để phục vụ san lấp trong phạm vi dự án và chuyển giao ra bên ngoài.

Điều 3. Chủ đầu tư có trách nhiệm thực hiện quy định tại Điều 37 Luật Bảo vệ môi trường, Điều 27 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và khoản 9 Điều 1 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Bộ TN&M (để b/c);
- CT, PCT TT: N.T.Thanh;
- Sở TNMT;
- UBND P.Bùi Thị Xuân;
- Lưu: VT, K4.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Tuấn Thanh

Phụ lục

CÁC NỘI DUNG, YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ KINH DOANH HẠ TẦNG KỸ THUẬT CỤM CÔNG NGHIỆP BÙI THỊ XUÂN (PHẦN MỞ RỘNG), THÀNH PHỐ QUY NHƠN CỦA CÔNG TY TNHH THIÊN HƯNG MỸ THỌ

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng năm 2025
của UBND tỉnh Bình Định)

1. Thông tin về dự án

1.1. Thông tin chung

- Tên dự án: Đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng kỹ thuật Cụm công nghiệp Bùi Thị Xuân (phần mở rộng), thành phố Quy Nhơn.
- Địa điểm thực hiện: Khu vực 8, Phường Bùi Thị Xuân, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định.
- Chủ đầu tư: Công ty TNHH Thiên Hưng Mỹ Thọ.
- Địa chỉ liên hệ: Cụm Công nghiệp Đồi Hòa Sơn, xã Nhơn Mỹ, thị xã An Nhơn, tỉnh Bình Định.

1.2. Phạm vi, quy mô.

- Tổng diện tích dự án: 183.762,65 m² (18,37 ha).
- Phạm vi:

Điểm góc	Hệ tọa độ VN2000, múi chiếu 3°, kinh tuyến trực 108°15		Điểm góc	Hệ tọa độ VN2000, múi chiếu 3°, kinh tuyến trực 108°15	
	X (m)	Y (m)		X (m)	Y (m)
N1	1.517.361,86	599.901,85	N22	1.517.175,76	599.664,31
N2	1.517.206,68	599.968,10	N23	1.517.205,70	599.698,76
N3	1.517.120,96	599.990,89	N24	1.517.233,75	599.730,92
N4	1.517.055,82	600.028,28	N25	1.517.246,02	599.753,15
N5	1.517.033,94	600.042,78	N26	1.517.253,03	599.764,87
N6	1.516.992,00	600.074,14	N27	1.517.257,20	599.762,61
N7	1.516.717,73	599.758,40	N28	1.517.260,35	599.766,78
N8	1.517.038,01	599.533,72	N29	1.517.264,69	599.767,90
N9	1.517.053,57	599.522,80	N30	1.517.280,91	599.762,63
N10	1.517.069,75	599.540,68	N31	1.517.285,85	599.767,50
N11	1.517.082,84	599.548,29	N32	1.517.304,93	599.786,34

N12	1.517.086,63	599.552,12	N33	1.517.312,27	599.795,71
N13	1.517.091,92	599.556,21	N34	1.517.333,56	599.809,16
N14	1.517.100,43	599.572,20	N35	1.517.338,57	599.818,55
N15	1.517.104,37	599.578,27	N36	1.517.338,96	599.832,29
N16	1.517.115,16	599.587,48	N37	1.517.335,24	599.844,41
N17	1.517.130,74	599.605,08	N38	1.517.333,19	599.857,40
N18	1.517.140,17	599.615,62	N39	1.517.332,45	599.867,03
N19	1.517.150,59	599.625,76	N40	1.517.335,69	599.874,05
N20	1.517.157,32	599.635,98	N41	1.517.347,81	599.886,77
N21	1.517.167,83	599.651,27	N42	1.517.358,46	599.869,24

- Quy mô:

STT	Hạng mục	Diện tích (m ²)	Tỷ lệ (%)
	Tổng diện tích quy hoạch	183.762,65	100
I	Đất sản xuất công nghiệp	127.093,20	69,16
1	Lô A6	43.801,64	
2	Lô A7	42.569,58	
3	Lô A8	40.721,98	
II	Đất hồ điều hòa + Mương thoát nước	6.354,85	3,46
1	Hồ điều hòa	1.098,68	
2	Mương thu nước	5.256,17	
III	Đất cây xanh	18.423,36	10,03
IV	Đất hạ tầng kỹ thuật	1.803,76	0,98
1	Khu xử lý nước thải	1.503,13	
2	Trạm cấp nước	300,63	
V	Đất giao thông	30.087,48	16,37
1	Đất bãi đậu xe	805,03	
2	Đất đường hành lang kỹ thuật	3.251,66	
3	Đất đường giao thông	26.030,79	

- Dự án có tiêu chí như dự án nhóm B (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công).

- Tiêu chí về môi trường của Dự án đầu tư: nhóm II theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của

Chính Phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

- Phạm vi đánh giá tác động môi trường được phê duyệt tại Quyết định này không bao gồm: hạng mục giải phóng mặt bằng, di dân, tái định cư.

1.3. Các hạng mục công trình và hoạt động của dự án

1.3.1. Các hạng mục công trình

- Các hạng mục công trình chính: San nền để xây dựng hạ tầng cụm công nghiệp, 03 lô đất xây dựng Nhà máy; hệ thống giao thông, hệ thống cấp điện, hệ thống cấp nước, hệ thống thông tin liên lạc, hệ thống thu gom, thoát nước mưa, hệ thống thu gom và thoát nước thải, hệ thống cây xanh, hệ thống xử lý nước thải (HTXLNT) tập trung CCN với công suất 300m³/ngày đêm (chia 02 mô đun tương ứng với các giai đoạn nâng công suất HTXLNT).

- Các công trình phụ trợ: nhà bảo vệ, cổng, tường rào,...

1.3.2. Các ngành nghề thu hút đầu tư vào CCN: Sản xuất trang phục; sản xuất da và các sản phẩm có liên quan; chế biến gỗ và sản xuất các sản phẩm từ gỗ, tre, nứa (trường giường, tủ, bàn, ghế), sản xuất sản phẩm từ rơm, rạ và vật liệu tết bện; sản xuất sản phẩm từ khoáng phi kim loại khác; sản xuất sản phẩm từ kim loại đúc sẵn; sản xuất giường, tủ, bàn, ghế; sản xuất hóa chất vô cơ cơ bản khác; sản xuất hóa chất hữu cơ cơ bản khác; sản xuất hóa chất cơ bản khác; sản xuất sản phẩm công nghiệp hỗ trợ ít gây ô nhiễm môi trường và kinh doanh kho bãi.

1.3.3. Các hoạt động của dự án

- Hoạt động thu dọn, phát quang mặt bằng.
- Hoạt động vận chuyển nguyên vật liệu.
- Hoạt động lưu chứa tạm thời và đưa đất thừa ra khỏi công trình.
- Hoạt động đào đắp, thi công xây dựng các hạng mục công trình.
- Hoạt động sinh hoạt của cán bộ, công nhân tham gia thi công xây dựng.
- Hoạt động của các dự án đầu tư thứ cấp trong CCN.
- Hoạt động của HTXLNT tập trung.

1.4. Các yếu tố nhạy cảm về môi trường: Dự án có yêu cầu chuyển đổi mục đích sử dụng đất rừng với diện tích 18,37 ha. Trong đó, đất quy hoạch rừng sản xuất 15,57 ha và đất quy hoạch rừng phòng hộ 2,80 ha.

2. Hạng mục công trình và hoạt động của dự án có khả năng tác động xấu đến môi trường

a) Giai đoạn thi công, xây dựng

- Dự án chiếm dụng vĩnh viễn khoảng 18,37 ha đất rừng (bao gồm: đất rừng sản xuất khoảng 15,57 ha và đất rừng phòng hộ khoảng 2,80 ha).

- Hoạt động sinh hoạt của công nhân tham gia thi công xây dựng phát sinh nước thải sinh hoạt, chất thải rắn sinh hoạt.

- Hoạt động phát quang tại khu vực thực hiện Dự án phát sinh chất thải rắn thông thường.

- Hoạt động vận chuyển nguyên vật liệu xây dựng, máy móc thi công, phế thải và hoạt động thi công phát sinh bụi, khí thải, nước thải xây dựng, chất thải xây dựng, chất thải nguy hại, tiếng ồn độ rung ảnh hưởng đến hoạt động giao thông khu vực.

- Hoạt động lưu chứa tạm thời và đưa đất thừa ra khỏi công trình phát sinh bụi, ồn, nước mưa cuốn trôi đất trên bề mặt,...

b) Giai đoạn vận hành

- Hoạt động của các dự án đầu tư thứ cấp trong CCN phát sinh bụi, khí thải, nước thải sinh hoạt, nước thải công nghiệp, chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại, tiếng ồn, độ rung,...

- Hoạt động khu nhà điều hành của HTXLNT tập trung phát sinh nước thải sinh hoạt, chất thải rắn sinh hoạt, chất thải nguy hại,...

- Hoạt động của HTXLNT tập trung phát sinh mùi hôi, bùn thải, tiếng ồn, độ rung,...

- Hoạt động của các phương tiện giao thông lưu thông trên tuyến đường phát sinh tiếng ồn, bụi, khí thải và nguy cơ xảy ra tai nạn giao thông.

- Hoạt động duy tu, bảo trì các công trình hạ tầng kỹ thuật của dự án như hệ thống thoát nước mưa, hệ thống thoát nước thải, giao thông.

3. Dự báo các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh theo các giai đoạn của Dự án

3.1. Nước thải, khí thải

3.1.1. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của nước thải

a) Giai đoạn thi công, xây dựng

- Nước thải sinh hoạt của công nhân phát sinh với lưu lượng khoảng 3,6m³/ngày. Thành phần chủ yếu là các chất cặn bã, các chất lơ lửng (SS), các hợp

chất hữu cơ (BOD₅) và các chất dinh dưỡng (N, P), vi sinh,...

- Nước thải xây dựng phát sinh từ hoạt động vệ sinh, bảo dưỡng các phương tiện thi công, vận chuyển khoảng 04 m³/ngày.đêm. Thành phần chủ yếu là cặn lơ lửng, đất, cát,...

- Nước mưa chảy tràn lẫn bùn, đất trên công trường thi công, đặc biệt là giai đoạn khai thác đất thừa. Thành phần chủ yếu là đất, cát, chất rắn lơ lửng,...

b) Giai đoạn vận hành

Nước thải của các Dự án đầu tư thứ cấp trong CCN Bùi Thị Xuân (phần mở rộng) phát sinh với lưu lượng khoảng 149,47 m³/ngày.đêm và CCN Bùi Thị Xuân (phần hiện trạng) phát sinh với lưu lượng khoảng 100,13 m³/ngày.đêm. Thành phần chủ yếu là TSS, BOD₅, COD, Amoni (tính theo N), sunfua, florua, clorua, tổng N, tổng P, tổng dầu mỡ khoáng, Coliform, các chỉ tiêu kim loại nặng.

3.1.2. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của bụi, khí thải

a) Giai đoạn thi công, xây dựng

Hoạt động chuẩn bị mặt bằng, khai thác đất, thi công các hạng mục, công trình hạ tầng kỹ thuật, vận chuyển nguyên vật liệu, đất, phế thải; vận hành máy móc, phương tiện thi công trên công trường,... thành phần chủ yếu là bụi, CO_x, NO_x, SO₂, VOC,...

b) Giai đoạn vận hành

- Bụi và khí thải từ hoạt động sản xuất của các dự án đầu tư thứ cấp trong CCN (có lưu lượng và thành phần phụ thuộc ngành nghề sản xuất).

- Mùi, khí thải phát sinh từ HTXLNT tập trung. Thành phần chủ yếu là NH₃, H₂S, CH₃SH, CH₄.

- Bụi, khí thải phát sinh từ hoạt động của các phương tiện giao thông trong CCN. Thành phần chủ yếu là bụi, SO₂, NO_x, CO.

3.2. Chất thải rắn, chất thải nguy hại

3.2.1. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của chất thải rắn

a) Giai đoạn thi công, xây dựng

- Chất thải rắn phát sinh từ hoạt động giải phóng mặt bằng phát quang cây cối, thực bì,... khoảng 1.700 tấn trong toàn bộ thời gian thi công. Thành phần chủ yếu: cỏ, lá, gốc cây, thân cành,...

- Chất thải rắn phát sinh từ hoạt động thi công xây dựng khoảng 1.500 – 2.500 kg/ngày. Thành phần chủ yếu: đất đá, gạch vỡ, cát, sắt thép vụn,...

- Tổng khối lượng bóc lớp đất phong hóa khoảng 506,3 m³.

- Chất thải rắn sinh hoạt từ hoạt động sinh hoạt của công nhân phát sinh với khối lượng khoảng 68,5 kg/ngày. Thành phần chủ yếu là thức ăn thừa, bao bì ni lông, vỏ trái cây,...

- Đất thừa từ quá trình đào đắp, san gạt mặt bằng phát sinh đưa ra khỏi dự án khoảng 260.000m³ (*tổng khối lượng đất thừa phát sinh khoảng 333.000m³; trong đó, dự kiến san gạt mặt bằng tại dự án khoảng 73.000m³ và phần còn lại đưa ra khỏi dự án*). Công ty TNHH Thiên Hưng Mỹ Thọ chịu trách nhiệm về tính chính xác của số liệu khối lượng đất thừa nêu trên, đảm bảo việc tính toán phù hợp với hiện trạng mặt bằng dự án và cao độ san nền theo Quy hoạch tỷ lệ 1/500 của CCN Bùi Thị Xuân (phần mở rộng).

b) Giai đoạn vận hành

- Chất thải rắn sinh hoạt phát sinh từ hoạt động người lao động tại khu nhà điều hành HTXLNT tập trung với khối lượng khoảng 3,4 kg/ngày. Thành phần chủ yếu là thức ăn thừa, bao bì ni lông, vỏ trái cây,...

- Bùn thải phát sinh từ hoạt động của HTXLNT tập trung khoảng 0,27m³/ngày; bùn thải từ nạo vét, khơi thông kênh mương thoát nước và sẽ được xác định cụ thể trong giai đoạn lập hồ sơ môi trường của từng dự án.

- Chất thải rắn thông thường phát sinh từ hoạt động của dự án đầu tư thứ cấp trong CCN. Khối lượng và thành phần phụ thuộc vào ngành nghề của các dự án thứ cấp trong CCN.

3.2.2. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của chất thải nguy hại

a) Giai đoạn thi công, xây dựng

Hoạt động bảo dưỡng, sửa chữa, thay dầu của các phương tiện thi công phát sinh chất thải nguy hại với khối lượng khoảng 180kg trong suốt thời gian thi công. Thành phần chủ yếu là giẻ lau nhiễm dầu thải, các loại dầu mỡ thải, pin, ắc quy,...

b) Giai đoạn vận hành

- Chất thải nguy hại phát sinh từ hoạt động của Nhà điều hành HTXLNT tập trung với khối lượng khoảng 60 kg/năm. Thành phần chủ yếu là pin thải, ắc quy chì thải, bóng đèn huỳnh quang thải, bao bì đựng hóa chất,...

- Chất thải nguy hại phát sinh từ hoạt động của các dự án đầu tư thứ cấp trong CCN khối lượng và thành phần phụ thuộc vào ngành nghề sản xuất của các dự án thứ cấp.

3.3. Tiếng ồn, độ rung

a) Giai đoạn thi công, xây dựng

Hoạt động của các phương tiện vận chuyển nguyên vật liệu, các máy móc, thiết bị thi công như máy đào, máy đầm, máy ủi; hoạt động san lấp mặt bằng, đường giao thông phát sinh tiếng ồn, độ rung ảnh hưởng đến công nhân, người dân sinh sống lân cận khu vực Dự án và dọc theo tuyến đường vận chuyển.

b) Giai đoạn vận hành

- Tiếng ồn, độ rung phát sinh từ hoạt động sản xuất của các dự án đầu tư thứ cấp trong CCN.

- Tiếng ồn, độ rung phát sinh từ HTXLNT tập trung, máy phát điện.

3.4. Các tác động khác:

- Hoạt động thi công các hạng mục công trình và hoạt động của các phương tiện vận chuyển nguyên vật liệu, ảnh hưởng đến người dân sinh sống lân cận khu vực Dự án và dọc theo tuyến đường vận chuyển.

- Hoạt động khai thác đất gây nguy cơ sạt lở trong mùa mưa lũ, hư hỏng tuyến đường trong quá trình vận chuyển, mất an toàn giao thông.

- Hoạt động chuyển đổi mục đích sử dụng đất rừng sang mục đích khác tác động đến sinh kế của người dân và hệ sinh thái khu vực.

- Hoạt động tập trung đông công nhân có khả năng làm mất an ninh, trật tự xã hội khu vực dự án.

4. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường của dự án

4.1. Các công trình và biện pháp thu gom, xử lý nước thải, khí thải

4.1.1. Đối với thu gom và xử lý nước thải, nước mưa chảy tràn

a) Giai đoạn thi công, xây dựng

- Nước thải sinh hoạt của công nhân được thu gom và xử lý bằng 01 nhà vệ sinh di động có dung tích 400 lít; hợp đồng với đơn vị có chức năng định kỳ thu gom, xử lý.

- Nước thải xây dựng: được thu gom tái sử dụng cho quá trình xây dựng, phần dư được thu gom lắng chặn trước khi thải ra môi trường.

- Nước mưa chảy tràn lẫn bùn, đất: tạo rãnh thu gom nước mưa chảy tràn trong khu vực thi công tránh gây ngập úng cục bộ; bố trí các gờ giảm tốc để hạn chế sa bồi, sạt lở.

b) Giai đoạn vận hành

- Nước thải sinh hoạt và sản xuất của các dự án đầu tư thứ cấp (bao gồm các Nhà máy trong CCN Bùi Thị Xuân phần hiện trạng và phần mở rộng) sau khi được xử lý tại từng dự án đạt cột B, QCVN 40:2011/BTNMT - Quy chuẩn

kỹ thuật Quốc gia về nước thải công nghiệp (hoặc xử lý sơ bộ theo thỏa thuận giữa các dự án thứ cấp với Chủ đầu tư CCN), sẽ được đầu nối về HTXLNT tập trung (nằm phía Tây dự án phần mở rộng) để xử lý đạt QCVN 40:2011/BTNMT, cột B, $K_q = 0,9$, $K_f = 1,1$ - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về nước thải công nghiệp trước khi xả ra mương thoát nước ở phía Tây dự án.

- HTXLNT tập trung của CCN đầu tư như sau:

+ Giai đoạn 01: Xây dựng HTXLNT công suất 150 m³/ngày đêm, hoàn thành trước khi CCN đi vào hoạt động.

+ Giai đoạn 02: Nâng công suất HTXLNT lên 300 m³/ngày.đêm (Hoàn thành khi CCN có tổng khối lượng nước thải phát sinh từ khoảng 130 - 140 m³/ngày đêm).

- Sơ đồ công nghệ xử lý nước thải:

Nước thải (sau khi xử lý sơ bộ tại các dự án đầu tư thứ cấp) → Bể thu gom kết hợp lắng cát → Bể tách dầu mỡ → Bể điều hòa → Bể keo tụ → Bể tạo bông → Bể lắng hóa lý → Bể sinh học thiếu khí (Anoxic) → Bể sinh học hiếu khí (Aerotank) → Bể lắng sinh học → Bể khử trùng → Bể đổi chứng → Hồ điều hòa → Mương hở phía Tây dự án (đạt cột B, $K_q = 0,9$, $K_f = 1,1$ QCVN 40:2011/BTNMT Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về nước thải công nghiệp).

- Giải pháp xử lý mùi hôi từ HTXLNT tập trung: Mùi hôi (từ các bể Điều hòa, thiếu khí) → tháp hấp phụ (hấp phụ mùi bằng than hoạt tính) → ống thoát khí (cao >5m).

- Lắp đặt hệ thống quan trắc nước thải tự động, liên tục, có camera theo dõi, truyền số liệu trực tiếp cho Sở Tài nguyên và Môi trường để giám sát theo quy định. Thông số giám sát ô nhiễm gồm: Lưu lượng (đầu vào và đầu ra), pH, nhiệt độ, TSS, COD, Amoni.

- Nước mưa chảy tràn: Hệ thống thoát nước mưa riêng biệt với hệ thống thoát nước thải. Hướng thu gom và thoát nước được chia làm 2 lưu vực chính như sau:

+ Lưu vực phía Đông: Nước mưa từ khu vực triền núi phía Đông dự án sẽ được thu gom theo tuyến mương cách ly phía Đông dọc đường số 9, kích thước mương hình thang B=(1,0+3,0)m, sau đó đầu nối vào tuyến mương (được cải tạo từ suối hiện trạng) nằm giữa khu dự án có kích thước hình thang B=(2,0+6,0)m, tiếp tục dẫn về Hồ điều hòa và thoát về mương BTXM phía Tây dự án thuộc CCN Bùi Thị Xuân (phần hiện trạng).

+ Lưu vực phía Bắc: Nước mưa khu vực phía Bắc dự án sẽ thoát về

mương hình thang (được cải tạo từ suối hiện trạng) có kích thước $B=(6+12)m$ để thu nước từ khu vực phía Bắc, sau đó chảy về Hồ điều hòa và thoát về mương BTXM phía Tây dự án thuộc CCN Bùi Thị Xuân (phần hiện trạng).

+ Đối với Cụm công nghiệp Bùi Thị Xuân (phần hiện trạng): Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng và Phát triển quỹ đất thành phố Quy Nhơn hoàn thiện hạ tầng thu gom, thoát nước và phối hợp với Công ty TNHH Thiên Hưng Mỹ Thọ đảm bảo việc kết nối hạ tầng và tiêu thoát nước cho toàn bộ khu vực.

4.1.2. Đối với bụi, khí thải

a) Giai đoạn thi công, xây dựng

- Thường xuyên phun nước giảm bụi tại các khu vực thi công, tuyến đường vận chuyển nguyên vật liệu phục vụ thi công, tuyến đường vận chuyển đất thừa từ dự án đến công trình san lấp và tăng cường vào mùa nắng.

- Khu vực bãi chứa nguyên vật liệu và chất thải rắn công nghiệp thông thường: sử dụng bạt che chắn xung quanh đảm bảo không phát tán bụi ra môi trường.

- Che chắn các bãi tập kết vật liệu, bố trí ở cuối hướng gió và hạn chế chiều cao lưu chứa dưới 2m.

- Hàng ngày, bố trí công nhân quét dọn thu gom đất, cát rơi vãi, vệ sinh dọc theo tuyến đường và tại khu vực thi công.

- Trang bị đầy đủ bảo hộ lao động cho công nhân.

b) Giai đoạn vận hành

- Bụi, khí thải phát sinh từ hoạt động của các Dự án đầu tư thứ cấp trong Cụm công nghiệp sẽ được thu gom, xử lý tại cơ sở.

- Trồng cây xanh với diện tích khoảng 18.423,36 m² (chiếm tỷ lệ 10,03% diện tích Cụm công nghiệp).

- Thường xuyên quét dọn, làm vệ sinh đường nội bộ Cụm công nghiệp.

4.2. Các công trình và biện pháp quản lý chất thải rắn, chất thải nguy hại (CTNH)

4.2.1. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn thông thường

a) Giai đoạn thi công, xây dựng

- Đất vét hữu cơ được tận dụng đắp vào khu vực cây xanh của Dự án.

- Chất thải rắn từ hoạt động phát quang, dọn dẹp mặt bằng và hoạt động thi công các hạng mục công trình được thu gom, xử lý theo đúng quy định.

- Đối với đất thừa từ hoạt động đào đắp phải thực hiện các thủ tục về lập hồ sơ cấp phép khai thác khoáng sản và thực hiện các nghĩa vụ tài chính liên quan đến khối lượng vận chuyển đất ra khỏi khu vực dự án theo quy định về quản lý tài nguyên khoáng sản. Đồng thời, Chủ đầu tư chịu trách nhiệm về số liệu khối lượng đất thừa nêu trên, đảm bảo việc tính toán phù hợp với hiện trạng mặt bằng dự án và cao độ san nền theo Quy hoạch tỷ lệ 1/500 của CCN; giám sát nhà thầu trong quá trình thi công đào đắp, san gạt mặt bằng; thực hiện khai thác đến đâu bóc lớp đất tầng phủ đến đó; khai thác và vận chuyển theo đúng phương án khai thác được duyệt.

- Bố trí các thùng thu gom rác sinh hoạt có nắp đậy kín tại lán trại, khu nghỉ ngơi, ăn uống của công nhân.

- Hợp đồng với đơn vị chức năng thu gom vận chuyển, xử lý chất thải rắn thông thường theo quy định.

- Quy định áp dụng: Điều 58 và Điều 66 của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

b) Giai đoạn vận hành

- Bùn thải từ HTXLNT: hợp đồng với đơn vị chức năng vận chuyển, xử lý theo quy định.

- Bố trí các thùng rác có nắp đậy theo quy định đặt tại khu vực HTXLNT tập trung để chứa chất thải rắn phát sinh từ hoạt động thuộc phạm vi HTXLNT tập trung và hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định.

- Các dự án đầu tư thứ cấp trong Cụm công nghiệp phát sinh chất thải rắn tự hợp đồng đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định.

4.2.2. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý chất thải nguy hại

a) Giai đoạn thi công, xây dựng

- Bố trí 03 thùng chứa chất thải nguy hại chuyên dụng dung tích 120 lít/thùng, có nắp đậy, dán nhãn theo quy định để lưu giữ và phân loại chất thải; tập kết tại kho lưu chứa chất thải nguy hại tạm thời diện tích khoảng 05m² tại công trường theo đúng quy định. Định kỳ hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom vận chuyển, xử lý theo quy định.

- Quy định áp dụng: Điều 68, Điều 69, Điều 71 của Nghị định số

08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; QCVN 07:2009/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về giới hạn cho phép đối với chất thải nguy hại.

b) Giai đoạn vận hành

- Xây dựng 01 kho chứa CTNH diện tích 10m² tại Khu vực Nhà điều hành của HTXLNT tập trung, có biển cảnh báo CTNH; trong kho bố trí 03 thùng chứa chất thải nguy hại chuyên dụng dung tích 120 lít/thùng và 01 can 50 lít, có nắp đậy, dán nhãn theo quy định để lưu giữ và phân loại chất thải nguy hại từ hoạt động của Nhà điều hành; hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định.

- Các dự án đầu tư thứ cấp trong Cụm công nghiệp phát sinh CTNH tự hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định.

- Thực hiện việc phân định, phân loại, thu gom, lưu giữ, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt, chất thải thông thường và chất thải nguy hại theo quy định tại các Điều 75, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Bảo vệ môi trường.

4.3. Biện pháp giảm thiểu tác động do tiếng ồn, độ rung

a) Giai đoạn thi công, xây dựng

- Không sử dụng cùng một thời điểm nhiều thiết bị phát sinh tiếng ồn lớn.
- Sử dụng các thiết bị thi công đang kiểm đảm bảo.
- Thường xuyên kiểm tra, bảo dưỡng các thiết bị thi công.
- Giảm tần suất hoạt động của các thiết bị, phương tiện vận tải vào các giờ nghỉ; không vận hành các thiết bị phát sinh độ ồn cao trong khoảng thời gian từ 11h30 đến 13h30 và từ 18h đến 6h sáng hôm sau.

- Quy chuẩn áp dụng: QCVN 26:2010/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung.

b) Giai đoạn vận hành

- Thường xuyên kiểm tra, bảo dưỡng các thiết bị của Hệ thống xử lý nước thải.

- Trồng cây xanh với diện tích khoảng 18.423,36m² (chiếm tỷ lệ 10,03% diện tích Cụm công nghiệp); giám sát các Chủ dự án đầu tư thứ cấp trong CCN trồng cây xanh đảm bảo quy hoạch được phê duyệt.

- Các dự án đầu tư thứ cấp phải áp dụng các biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đạt quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường theo hồ sơ môi trường được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt riêng cho từng dự án.

- Quy chuẩn áp dụng: QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn; QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung.

4.4. Các biện pháp bảo vệ môi trường khác

4.4.1. Biện pháp giảm thiểu tác động của việc chiếm dụng đất

Chủ đầu tư phối hợp với chính quyền địa phương tổ chức triển khai thực hiện công tác đền bù, giải phóng mặt bằng theo đúng quy định của pháp luật hiện hành.

4.4.2. Biện pháp giảm thiểu tác động tới hoạt động giao thông

- Xây dựng phương án tổ chức thi công, phân tuyến, phân luồng giao thông trong quá trình thi công.

- Lắp đặt biển cảnh báo, biển chỉ dẫn và thông báo về hoạt động thi công của dự án để người tham gia giao thông và người dân xung quanh được biết.

4.5. Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường

4.5.1. Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường giai đoạn thi công, xây dựng

a) Phòng ngừa, giảm thiểu và ứng phó sự cố cháy nổ

Lập phương án chữa cháy, các biện pháp phòng cháy, chữa cháy; lắp đặt biển báo cấm lửa tại các khu vực dễ gây ra cháy nổ. Thông báo cho cơ quan chức năng và chính quyền địa phương để có biện pháp phối hợp xử lý kịp thời trong trường hợp xảy ra sự cố

b) Công trình, biện pháp phòng ngừa và ứng phó sự cố tai nạn lao động.

Xây dựng nội quy về an toàn lao động khi lập tiến độ thi công; trang bị đầy đủ bảo hộ lao động cho công nhân.

4.5.2. Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường giai đoạn vận hành

a) Biện pháp phòng ngừa, giảm thiểu và ứng phó sự cố Hệ thống xử lý nước thải tập trung

- Lắp đặt các thiết bị dự phòng để kịp thời khắc phục khi có sự cố; dung tích các bể, hệ thống van chặn tại các bể của HTXLNT tập trung đảm bảo thời gian lưu nước tối đa trong trường hợp xảy ra sự cố xử lý nước thải.

- Bố trí nhân viên quản lý, vận hành HTXLNT tập trung, giám sát vận hành hàng ngày và tuân thủ nghiêm ngặt chương trình vận hành, bảo dưỡng được thiết lập cho HTXLNT tập trung.

b) Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố hệ thống xử lý bụi, khí thải, nước thải

Các dự án đầu tư thứ cấp trong CCN phải áp dụng các phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố hệ thống xử lý nước thải, khí thải theo nội dung hồ sơ môi trường được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt riêng cho từng dự án.

c) Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố đường ống cấp thoát nước

Không xây dựng các công trình trên tuyến đường ống nước, thường xuyên kiểm tra và bảo trì các mối nối, van khóa trên hệ thống đường ống dẫn đảm bảo an toàn và đạt độ bền, độ kín của tất cả các tuyến ống, các ống thu gom nước thải sử dụng ống HDPE có độ bền cao, các ống thu gom nước mưa, nước thải qua đường được lồng trong ống thép.

4.6. Các yêu cầu khác

Chủ dự án có trách nhiệm thực hiện thực hiện quy định tại Điều 52 Luật Bảo vệ môi trường. Trong đó, lưu ý:

- Ban hành quy chế về bảo vệ môi trường của Cụm công nghiệp phù hợp với yêu cầu bảo vệ môi trường theo quy định.

- Bố trí ít nhất một nhân sự phụ trách về bảo vệ môi trường được đào tạo chuyên ngành môi trường hoặc lĩnh vực chuyên môn phù hợp với công việc được đảm nhiệm.

- Đảm bảo tỷ lệ tối thiểu diện cây xanh trong cụm công nghiệp ít nhất 10% (không bao gồm cây xanh trong khuôn viên lô đất các cơ sở sản xuất) theo quy định của QCVN 01:2021/BXD Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về Quy hoạch xây dựng.

5. Chương trình quản lý và giám sát môi trường

5.1. Giám sát môi trường trong giai đoạn thi công xây dựng

5.1.1. Giám sát môi trường không khí xung quanh

- Vị trí quan trắc:

+ 01 mẫu không khí xung quanh tại Khu vực phía Tây dự án giáp đường bê tông xi măng hiện trạng, tọa độ $X_m=1.516.894$, $Y_m=599.641$ (theo hệ tọa độ VN 2000, múi chiếu 3^0 , kinh tuyến trực $108^015'$).

+ 01 mẫu không khí xung quanh tại Khu vực phía Bắc dự án giáp doanh

nghiệp Thu Hoài, tọa độ $X_m=1.517.227$, $Y_m= 599.727$ (theo hệ tọa độ VN 2000, múi chiếu 3^0 , kinh tuyến trực $108^{\circ}15'$).

+ 01 mẫu không khí xung quanh tại Khu vực phía Nam dự án giáp với nghĩa trang Bình Định An Viên, tọa độ $X_m=1.516.764$, $Y_m= 599.3823$ (theo hệ tọa độ VN 2000, múi chiếu 3^0 , kinh tuyến trực $108^{\circ}15'$).

- Thông số quan trắc: Bụi, tiếng ồn.

- Tiêu chuẩn so sánh: QCVN 05:2023/BTNMT và QCVN 26:2010/BTNMT.

- Tần suất quan trắc: 06 tháng/lần.

5.1.2. Giám sát chất thải rắn và chất thải nguy hại: giám sát về số lượng, thành phần phát sinh, quá trình thu gom, lưu giữ.

5.2. Giám sát môi trường trong giai đoạn vận hành

5.2.1. Giám sát nước thải

a) Giám sát tự động nước thải (thực hiện theo Thông tư số 10/2021/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định kỹ thuật quan trắc môi trường và quản lý thông tin, dữ liệu quan trắc chất lượng môi trường)

- Vị trí giám sát: 01 vị trí tại điểm xả ra môi trường của HTXLNT tập trung.

- Thông số giám sát: Lưu lượng nước thải (đầu vào và đầu ra), pH, nhiệt độ, TSS, COD, amoni.

- Tần suất giám sát: tự động, liên tục (có camera giám sát; bộ lưu mẫu tự động; kết nối, truyền số liệu về Sở Tài nguyên và Môi trường để giám sát).

- Quy chuẩn so sánh: QCVN 40:2011/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp (Cột B), hệ số $K_q = 0,9$ và $K_f = 1,1$.

b) Giám sát định kỳ nước thải

- Vị trí giám sát:

+ 01 vị trí đầu vào của HTXLNT tập trung.

+ 01 vị trí tại điểm xả ra môi trường của HTXLNT tập trung.

- Thông số giám sát: thực hiện theo QCVN 40:2011/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp (Cột B), hệ số $K_q = 0,9$ và $K_f = 1,1$ (trừ các thông số đã được quan trắc tự động, liên tục).

- Tần suất giám sát: 03 tháng/lần.

- Quy chuẩn so sánh: QCVN 40:2011/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp (Cột B), hệ số $K_q = 0,9$ và $K_f = 1,1$.

c) Giám sát nước thải khi trạm quan trắc tự động, liên tục gặp sự cố

- Trong thời gian thiết bị quan trắc tự động ngừng hoạt động từ 48 giờ trở lên, Chủ dự án thực hiện quan trắc theo quy định tại điểm b khoản 5 Điều 35 Thông tư số 10/2021/TT-BNTMT ngày 30 tháng 6 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định kỹ thuật quan trắc môi trường và quản lý thông tin, dữ liệu quan trắc chất lượng môi trường. Cụ thể như sau:

- Vị trí giám sát: 01 vị trí cửa xả ra ngoài môi trường của HTXLNT tập trung.

- Thông số giám sát: thực hiện theo QCVN 40:2011/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp (Cột B), hệ số $K_q = 0,9$ và $K_f = 1,1$.

- Tần suất giám sát: 01 lần/ngày (cho tới khi thiết bị quan trắc nước thải liên tục, tự động hoạt động trở lại).

- Quy chuẩn so sánh: QCVN 40:2011/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp (Cột B), hệ số $K_q = 0,9$ và $K_f = 1,1$.

5.2.2. *Giám sát chất thải rắn và chất thải nguy hại*: giám sát về số lượng, thành phần phát sinh, quá trình thu gom, lưu giữ và chuyển giao xử lý.

6. Các yêu cầu bảo vệ môi trường khác

- Phối hợp với chính quyền địa phương thực hiện công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng theo quy định của pháp luật hiện hành và chỉ được phép triển khai thực hiện Dự án sau khi hoàn thành công tác đền bù, giải phóng mặt bằng, chuyển đổi mục đích sử dụng đất, giao đất theo quy định của pháp luật hiện hành.

- Thực hiện đầy đủ quy định của Luật Địa chất và Khoáng sản trước khi thực hiện vận chuyển đất thừa ra khỏi phạm vi Dự án.

- Xây dựng phương án điều tiết giao thông trước khi triển khai thi công; lắp đặt hệ thống biển báo, mốc giới các địa bàn thi công khu vực Dự án và phối hợp với chính quyền địa phương thông báo cho nhân dân trong khu vực Dự án về thời gian và địa bàn thi công, xây dựng; áp dụng các biện pháp kỹ thuật, quản lý và tổ chức thi công phù hợp, đảm bảo hoạt động của Dự án không ảnh hưởng tới cảnh quan, môi trường, hoạt động kinh doanh, sản xuất nông nghiệp của người dân khu vực Dự án.

- Thực hiện phân khu chức năng trong CCN phù hợp theo quy định của pháp luật hiện hành, đảm bảo các cơ sở, dự án đầu tư thứ cấp trong CCN có diện tích cây xanh và khoảng cách an toàn môi trường theo QCVN 01:2021/BXD - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về Quy hoạch xây dựng; không bố trí quy hoạch

các cơ sở, dự án đầu tư thứ cấp có hoạt động phát sinh bụi, mùi khó chịu hoặc tiếng ồn cao tại vị trí gần khu nghĩa trang Bình Định An Viên và đường giao thông; tăng cường diện tích cây xanh, bề rộng vành đai cây xanh để hạn chế tác động đến các khu vực lân cận.

- Công khai Báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt kết quả thẩm định trên trang thông tin điện tử của Chủ Dự án hoặc tại trụ sở UBND Phường Bùi Thị Xuân nơi thực hiện Dự án đầu tư chậm nhất là 10 ngày sau khi có quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường; chịu trách nhiệm về tính chính xác các thông tin, số liệu và kết quả tính toán trong báo cáo đánh giá tác động môi trường.

- Tuân thủ các quy định hiện hành về bảo vệ nguồn nước; xả nước thải vào nguồn nước; đảm bảo an toàn giao thông và các quy phạm kỹ thuật khác có liên quan trong quá trình thực hiện Dự án nhằm ngăn ngừa, giảm thiểu rủi ro đến môi trường.

- Thực hiện chương trình quản lý, giám sát môi trường và các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác theo quy định của pháp luật; số liệu giám sát phải được cập nhật và lưu giữ để cơ quan quản lý nhà nước kiểm tra; thực hiện công khai kết quả quan trắc nước thải tự động liên tục và kết quả quan trắc nước thải định kỳ của Dự án theo quy định.

- Lập hồ sơ xin cấp phép môi trường và thực hiện vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải theo quy định của pháp luật hiện hành về bảo vệ môi trường.

- Ban hành quy chế về bảo vệ môi trường của CCN phù hợp với yêu cầu về bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật; bố trí ít nhất một nhân sự phụ trách về bảo vệ môi trường được đào tạo chuyên ngành môi trường hoặc lĩnh vực chuyên môn phù hợp với công việc được đảm nhiệm; tiếp nhận báo cáo công tác bảo vệ môi trường của các cơ sở, dự án thứ cấp trong CCN và lập báo cáo công tác bảo vệ môi trường của Cụm công nghiệp theo quy định.

- Phối hợp với các cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường tổ chức thực hiện hoạt động bảo vệ môi trường, thanh tra, kiểm tra về bảo vệ môi trường đối với các cơ sở thứ cấp trong CCN theo quy định của pháp luật.

- Chủ động đề xuất điều chỉnh các công trình bảo vệ môi trường trong trường hợp các công trình này không đảm bảo công tác bảo vệ môi trường khi Dự án đi vào hoạt động theo quy định của pháp luật.

- Thực hiện đầy đủ trách nhiệm của Chủ đầu tư CCN; không tiếp nhận thêm dự án đầu tư mới hoặc nâng công suất đối với các cơ sở đang hoạt động có phát sinh nước thải trong thời gian CCN chưa hoàn thành đầu tư hệ thống thu gom, thoát nước và xử lý nước thải tập trung theo quy định tại Điều 52 của Luật Bảo vệ môi trường 2020.

- Chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật trong quá trình hoạt động nếu phát sinh chất thải gây ô nhiễm môi trường, sự cố môi trường./.